TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;
2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Tổ C, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1974; ông Phan Bá H, sinh năm 1968; bà Phan Thị Hương T1, sinh năm 1994; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà L, ông H, bà T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:***

Giữa bà T và gia đình bà L có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 08/02/2023, bà L cùng chồng ông Phan Bá H và con Phan Thị Phương T2 có hỏi

mượn bà T số tiền là 1.180.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Lãi suất theo lãi ngân hàng. Hai bên có lập Bản cam kết mượn tiền ngày 02/8/2023 có chữ ký xác nhận nợ của người vay. Bà L, ông H và bà T2 hứa sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà T vào ngày 08/04/2023.

Đến ngày 27/03/2023 bà L cùng chồng là ông H mượn thêm số tiền là 282.000.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu đồng). Sau đó, bà T cho bị đơn lập giấy cam kết trả nợ nhưng bà T yêu cầu chốt luôn tổng số tiền nợ của lần vay 1.180.000.000 đồng và lần này là 282.000.000 đồng thành số tiền tổng 1.462.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm sáu hai triệu đồng). Hai bên có viết giấy cam kết trả nợ với nhau và cùng hẹn đến ngày 29/04/2023 thì bà L, ông H và bà T2 sẽ trả toàn bộ số tiền đã nợ cho bà T.

Đến nay, khoản vay đã quá hạn nhưng bà L, ông H và bà T2 không chịu thanh toán. Việc bà L, ông H và bà T2 trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị L cùng chồng là ông Phan Bá H và con là Phan Thị Phương T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà T số tiền là 1.462.000.000 đồng cùng với lãi suất mà bà L, ông H và bà T2 chưa trả bà T bắt đầu từ ngày 27/03/2023 tạm tính đến ngày 27/03/2024 là 1.462.000.000 đồng x 0,83 % x 12 (tháng) 145.615.200 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười lăm ngàn hai trăm đồng). Tổng số tiền mà bà T yêu cầu bà L, ông H và bà T2 phải thanh toán cho bà T là 1.607.615.200 đồng (một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười lăm ngàn hai trăm đồng).

Tại đơn vắng mặt ngày 22/7/2024, bà T chỉ yêu cầu bà L và ông H, bà T2 liên đới thanh toán 1.180.000.000 đồng. Đối với số tiền 282.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 27/03/2023 thì bà T2 không ký tên nên bà T không yêu cầu bà T2 thanh toán, mà yêu cầu bà L và ông H trả nợ.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 29/3/2024; bản tự khai ngày 29/3/2024; bản cam kết mượn tiền ngày 08/02/2023; giấy cam kết trả nợ ngày 27/3/2023; đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ.

**** Bị đơn bà L, ông H, bà T2***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà L, ông H, bà T2 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà L, ông H, bà T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà bà Phan Thị L, ông Phan Bá H, bà Phan Thị Hương T1 trên trên báo T3 các số báo 158 ngày 06/6/2024, 159 ngày 07/6/2024, 160 ngày 08/6/2024; đăng thông báo trên kênh VTV9 Trung tâm T4 khu vực N 03 ngày (từ ngày 07/6/2024 đến ngày 09/6/2024); đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bà L, ông H, bà T1 vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T có yêu cầu vắng mặt. Bị đơn Bà L, ông H, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, giấy cho vay tiền bà T cung cấp là bản gốc, kết luận giám định 2734/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng K công an tỉnh B thể hiện đúng chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà L, ông H, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà L, ông H, bà T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Phan Thị L, ông Phan Bá H và bà Phan Thị Phương T2 liên đới trả lại cho bà T số tiền là 1.180.000.000 đồng; bà L và ông H liên đới thanh toán 282.000.000 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính Bản cam kết ngày 08/02/2023, thể hiện bà L, ông H, bà T2 có vay bà T 1.180.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 08/4/2023. Giấy nợ có chữ ký, chữ viết họ tên, dấu lăn tay xác nhận nợ của bà L, ông H, bà T2. Ngày 27/3/2023, bà L và ông H vay thêm 282.000.000 đồng và ký tên nhận nợ với bà T tổng số tiền 1.462.000.000 đồng theo Giấy cam kết trả nợ ngày 27/3/2023.

[3.2] Theo Kết luận giám định số: 2734/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng K công an tỉnh B khẳng định: Chữ ký L, chữ viết họ tên và (02) dấu vân tay mang tên Phan Thị L trên Bản cam kết ngày 08/2/2023 và Giấy cam kết trả nợ ngày 08/4/2023 là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà L; chữ ký H, chữ viết họ tên và (02) dấu vân tay mang tên Phan Bá H trên Bản cam kết ngày 08/2/2023 và Giấy cam kết trả nợ ngày 08/4/2023 là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông H; hai dấu vân tay mang tên Phan Thị Hương T1 trên Bản cam kết ngày 08/2/2023 là của bà T1. Hiện tại, các khoản nợ đã quá hạn, bà L, ông H, bà T1 chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về tiền lãi: Đối với khoản vay 1.180.000.000 đồng thì bà T yêu cầu tiền lãi từ ngày 27/03/2023 đến ngày 27/03/2024 là 1.180.000.000 đồng x 0,83 % x 12 tháng = 117.528.000 đồng. Khoản vay 282.000.000 đồng, lãi từ ngày 27/03/2023 đến ngày 27/03/2024 là 282.000.000 đồng x 0,83 % x 12 tháng = 28.087.200 đồng. Tổng số tiền bà L, ông H, bà T1 phải trả cho bà T là 1.180.000.000 đồng và tiền lãi là 117.528.000 đồng. Tổng số tiền bà L và ông H phải trả cho bà T là 282.000.000 đồng và tiền lãi 28.087.200 đồng.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện bà L, ông H, bà T1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định, chi phí đăng tin, đăng báo: Tại kết luận giám định 2734/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng K công an tỉnh B thể hiện chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên các giấy cho vay tiền là của bị đơn nên bà L, ông H, bà T1 phải chịu chi phí giám định là 3.540.000 đồng; chi phí đăng tin, đăng báo là 2.549.455 đồng. Tổng chi phí là 6.089.455 đồng.

[7] Về án phí: Bà L, ông H, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Hoàng Thị T đối với bà Phan Thị L, ông Phan Bá H, bà Phan Thị Hương T1.

1.1. Buộc bà Phan Thị L, ông Phan Bá H, bà Phan Thị Hương T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Hoàng Thị T số tiền 1.297.528.000 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng), bao gồm: 1.180.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc và 117.528.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo bản cam kết ngày 08/02/2023.

1.2. Buộc bà Phan Thị L, ông Phan Bá H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Hoàng Thị T số tiền 310.087.200 đồng (ba trăm mười triệu không trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm đồng), bao gồm: 282.000.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 28.087.200 đồng (hai mươi tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm đồng) tiền lãi theo giấy cam kết trả nợ ngày 27/3/2023.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí giám định, đăng tin đăng báo: Chi phí giám định, chi phí đăng báo T3, đăng tin trên Đ, cổng thông tin điện tử Tòa án là 6.089.455 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng). Bị đơn bà Phan Thị L, ông Phan Bá H, bà Phan Thị Hương T1 phải liên đới chịu chi phí trên để hoàn trả cho bà Hoàng Thị T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Phan Thị L, ông Phan Bá H, bà Phan Thị Hương T1 phải liên đới chịu số tiền 47.400.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

3.2. Bà Phan Thị L, ông Phan Bá H phải liên đới chịu số tiền 14.100.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ngàn đồng).

3.3. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 30.114.228 đồng (ba mươi triệu một trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004988 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Mỹ **Nguyễn Thị Kim Phi** **Nguyễn Tuấn Nam**